

Bản án số 36/2024/HC-PT

Ngày 30/01/2024

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường, ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 209/2023/TLPT-HC ngày 06/10/2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 670/2024/QĐ-PT ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T là Luật sư Nguyễn Văn T1 – Công ty L3; địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà T, Lô 20/ĐG2 Khu đấu giá quyền sử dụng đất, ngõ Đ, phường T, quận N, thành phố Hà Nội, Luật sư T1 có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định

Đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Dũng L – Phó chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Định, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Văn Đ – Phó chủ tịch UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3.2. Ông Phan Văn T2, sinh năm 1931; địa chỉ: thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3.3. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (chết)

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị Kim H - vợ ông T) trình bày:

Ngày 15/01/2015, UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công nhận ông Phan Văn T2, bà Đỗ Thị C là chủ sử dụng thửa đất số 239, tờ bản đồ số 26, địa chỉ thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định diện tích 1860,3m², loại đất trồng cây hàng năm khác; ngoài ra, ông T2, bà C còn quản lý sử dụng diện tích đất trồng tre bao quanh thửa đất số 239 diện tích khoảng 2.700m². Nguồn gốc thửa đất 239 của ông T2, bà C do tổ tiên lưu hạ, gia đình ông T2 đã sử dụng ổn định từ trước năm 1945, không có tranh chấp, không bị Cơ quan chức năng xử phạt khi sử dụng đất. Vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Kim H nhận chuyển nhượng thửa đất 239 nêu trên của ông T2, bà C, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P chỉnh lý biến động sang tên ngày 06/5/2020. Ông T2, bà C còn lập Giấy chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất bao quanh, đang trồng tre cho ông T, bà H, Giấy chuyển nhượng được những hộ giáp ranh (Phía Nam giáp Phan Văn N, Nguyễn L1, phía Tây giáp Nguyễn Văn L2, phía Đông giáp Mương, phía Bắc giáp Quốc lộ A) ký xác nhận và những người làm chứng như bà Lê Thị Tuyết M, Phan Văn T3, Phan Văn N1 xác nhận phần đất bao tre gia đình ông T2 trồng tre và sử dụng nhiều năm nay.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng ông T chặt tre, xây tường bao, không có tranh chấp, nhưng UBND huyện P ban hành Quyết định số 2173/QSS-XPHC ngày 20/6/2022 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai cho rằng vợ chồng ông T lấn 1.821,8m² loại đất chưa sử dụng – BCS (gồm 392m² thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 26 và 1.429,8m², thuộc thửa 615, tờ bản đồ số 26), lấn 660,6m² loại đất nghĩa địa – NTD, thuộc thửa 258, tờ bản đồ 26, lấn 234,7m² loại đất mặt nước chuyên dụng (ao-MNC) thuộc thửa 616, tờ bản đồ số 26 là không đúng; mặt khác, bản đồ trước đây (gửi kèm theo) thể hiện phần đất bao tre để trống, không ghi ký hiệu, không ghi loại đất, nhưng Bản đồ năm 2000 ghi ký hiệu, loại đất. Ông T cho rằng theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ thì ông T phải được Nhà nước công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất bao tre nêu trên nên việc Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 2173/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T số tiền 40.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu là ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Ông T khiếu nại, nhưng ngày 28/12/2022 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 5859/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông T. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2173/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 và Quyết định số 5859/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Chủ tịch UBND huyện P trình bày:

Ông Phan Văn T2 là xã viên HTX N3 3 từ những năm 1978, toàn bộ ruộng đất gia đình hộ ông T2 sử dụng sau đó đưa vào HTX nông nghiệp quản lý theo qui định

tại mục II, điểm 1 và điểm 2 của Hệ thống chính sách hợp tác hóa nông nghiệp N4 ban hành ngày 26/7/1979 (khi đã vào HTX và trở thành xã viên HTX thì ruộng đất, ao đầm ... là của tư, hương hỏa hay được chia cấp trong xã hay nơi khác do HTX quản lý, xã viên không được đầu bớt, làm riêng hoặc cho người khác thuê, mà do HTX quản lý). Năm 1993, thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Quyết định số 4034/QĐ-UB ngày 27/11/1993 của UBND tỉnh B về việc giao đất nông nghiệp, UBND xã C tiến hành đo đạc toàn bộ ruộng đất trên phạm vi địa giới hành chính của xã và đưa qui chuẩn và cân đối để giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Đối với hộ ông T2 cũng như các hộ gia đình xã viên hợp tác xã nông nghiệp khác trên địa bàn xã C đã làm đơn đăng ký ruộng đất, được cân đối giao quyền sử dụng đủ diện tích theo quy định và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã cân đối giao quyền. Hộ ông T2 được giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 368, tờ bản đồ số 10, loại đất màu, diện tích 1.870m²; đối với diện tích đất phía Tây và phía Bắc (hiện ông Nguyễn Hữu T lấn chiếm và cho rằng là bao tre của ông Phan Văn T2) ông T2 không kê khai đăng ký nên không được cân đối để giao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ ông T2. Căn cứ bản đồ địa chính (tờ số 10) được Giám đốc Sở địa chính (nay là Sở T4) ký công nhận ngày 09/11/1998, theo đó phần diện tích này thuộc đất do UBND xã quản lý. Năm 2014, dự án V tiến hành đo đạc bản đồ địa chính - chính qui theo hệ tọa độ VN-2000 (bản đồ số 26) trên toàn bộ địa giới xã C, trong đó, thửa đất 368, tờ bản đồ số 10, loại đất màu, được đo đạc thành thửa 239, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.860m², loại đất màu (đất trồng cây hàng năm khác) và được UBND huyện cấp đổi lại thành *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất* số CH03661 ngày 15/01/2015. Năm 2020, ông T2 chuyển nhượng 1.860m² của thửa đất 239 cho ông T, ông T được Văn phòng Đ chi nhánh P chỉnh lý biến động ngày 06/5/2020.

Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 239, ông T đã lấn chiếm chiếm 2.717m² đất liền kề, theo bản đồ địa chính ngày 09/11/1998 phần đất này thuộc thửa 382, loại đất Hg (hoang) do UBND xã quản lý; theo bản đồ Vlap năm 2014 thuộc thửa 257 do UBND xã quản lý; lấn 1.429,8m² thuộc thửa đất số 615, theo bản đồ bản đồ ngày 09/11/1998 phần đất này trước đây là đất (hoang) do UBND xã quản lý, theo bản đồ Vlap năm 2014 thuộc thửa 615 do UBND xã quản lý; lấn 660,6m² đất nghĩa địa, theo bản đồ ngày 09/11/1998 phần đất này là nghĩa địa thuộc thửa 380, do UBND xã quản lý, theo Bản đồ Vlap năm 2014 thuộc thửa 258, tờ bản đồ số 26 do UBND xã quản lý; lấn 234,6m² đất mặt nước chuyên dùng (ao-MNC). Ngày 13/6/2022 UBND xã C lập biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 13/6/2022 đối với ông T về hành vi lấn đất quy định tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trên cơ sở đề nghị của UBND xã C, ngày 20/6/2022, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2173/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông T, cụ thể phạt tiền lấn đất chưa sử dụng (BCS) 1.821,8m² (điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP), mức phạt 10.000.000 đồng; Lấn đất phi nông nghiệp (đất NTD và MNC) 895,2m² (điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP mức phạt 30.000.000 đồng; tổng cộng phạt tiền 40.000.000 đồng và phạt bổ sung buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất

trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn. Ông T khiếu nại, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5859/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 Chủ tịch UBND huyện P không chấp nhận khiếu nại của ông T. Nay Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch UBND huyện P đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* UBND xã C, huyện P: thống nhất trình bày và đề nghị của Chủ tịch UBND huyện P

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* ông Phan Văn T2 trình bày: Ngày 15/01/2015 vợ chồng Ông được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 239, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.860,3m², tọa lạc tại thôn X, xã C, huyện P. Ngày 06/3/2020 gia đình ông T2 chuyển nhượng thửa đất 239 cho vợ chồng ông T. Nay vợ chồng ông T2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vợ chồng ông T2 theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 26/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

- *Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính;*

- *Căn cứ quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003, Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai, Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại ngày 11/11/2011, Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 19/11/2014 của Bộ C1.Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, **Tuyên xử:***

1. *Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2173/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (đối với Nguyễn Hữu T với số tiền 40.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn) và hủy Quyết định số 5859/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời đơn khiếu nại vì xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hữu T.*

2. *Về án phí và chi phí tố tụng:*

2.1 Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000290 ngày 03/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

2.2 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng ông Nguyễn Hữu T phải chịu 3.000.000 đồng, ông T đã nộp và chi xong

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 31/7/2023 ông Nguyễn Hữu T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Hữu T giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của ông H1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, ông Phan Văn T2 là xã viên HTX N3 từ năm 1978, đầu những năm 1980 khi vào HTX nông nghiệp thì toàn bộ ruộng đất của hộ ông T2 nói riêng, toàn bộ ruộng đất của các hộ dân xã C, huyện P đều nhập vào và do HTX N3 quản lý theo qui định tại mục II, điểm 1 và điểm 2 của Hệ thống chính sách hợp tác hóa nông nghiệp N4 ban hành ngày 26/7/1979 (khi đã vào HTX và trở thành xã viên HTX thì ruộng đất, ao đầm...vv của tư, hương hỏa hay được chia cấp trong xã hay nơi khác do HTX quản lý, xã viên không được dẫu bớt, làm riêng hoặc cho người khác thuê, mà do HTX quản lý). Đến năm 1993, thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và Quyết định số 4034/QĐ-UB ngày 27/11/1993 của UBND tỉnh B về việc giao đất nông nghiệp, UBND xã C đã tiến hành đo đạc toàn bộ ruộng đất trên phạm vi địa giới hành chính của xã và đưa qui chuẩn và cân đối để giao quyền cho hộ gia đình, cá nhân. Hộ ông Phan Văn T2 cũng như các hộ gia đình xã viên Hợp tác xã nông nghiệp khác trên địa bàn xã C, huyện P đã làm Đơn đăng ký ruộng đất, được cân đối giao quyền sử dụng đủ diện tích đất cân đối theo quy định và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ ông Phan Văn T2 được giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 368, tờ bản đồ số 10, loại đất màu, diện tích 1.870m².

[2] Đối với phần diện tích phía Tây và phía Bắc (ông Nguyễn Hữu T đã lấn chiếm và cho rằng là bao tre của ông Phan Văn T2) thì ông T2 không kê khai đăng ký nên không được cân đối để giao quyền sử dụng ruộng đất. Căn cứ Bản đồ địa

chính (tờ số 10) được Giám đốc Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4) ký công nhận ngày 09/11/1998 thì diện tích đất này do UBND xã quản lý, không giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Năm 2014 Dự án Vlap tiến hành đo đạc bản đồ địa chính - chính qui theo hệ tọa độ VN-2000 (bản đồ số 26) trên toàn bộ địa giới xã C thì thửa đất 368, tờ bản đồ số 10, loại đất màu, được đo đạc thành thửa 239, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.860m², loại đất màu (đất trồng cây hàng năm khác) và được UBND huyện P cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CH03661 ngày 15/01/2015. Năm 2020, ông Phan Văn T2 chuyển nhượng 1.860m² của thửa 239 cho ông Nguyễn Hữu T, ông T đã được Văn phòng Đ - Chi nhánh Phù cát chỉnh lý biến động đứng tên ngày 06/5/2020.

[3] Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 239, ông T đã lấn 2.717m² đất thuộc thửa đất liền kề của thửa đất số 239, cụ thể: Đất chưa sử dụng 1.821,8m² trong đó 392m² thuộc thửa 257 (phần đất này ở phía Tây thửa 239), phần đất này trước đây thuộc thửa 382 loại đất Hg (hoang) do UBND xã quản lý; theo bản đồ Vlap năm 2014 thuộc thửa 257 (do UBND xã quản lý) và 1.429,8m² thuộc thửa 615 (phần đất này ở phía Bắc thửa 239), phần đất này trước đây là đất (hoang) do U; Bản đồ Vlap năm 2014 thuộc thửa 615, do UBND xã quản lý. Đất nghĩa địa (NTD) 660,6m² phần đất này ở phí Nam thửa đất số 239, căn cứ bản đồ địa chính (tờ số 10) được Giám đốc Sở địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T4 ký công nhận ngày 09/11/1998) phần đất này trước đây là nghĩa địa thuộc thửa 380, đất do UBND xã quản lý. Bản đồ Vlap năm 2014 thuộc thửa 258, tờ bản đồ số 26 (do UBND xã quản lý). (Diện tích ông T lấn 660,6m² thuộc đất nghĩa địa nhưng trên diện tích này không có mồ mả). Đất mặt nước chuyên dùng (ao-MNC) 234,6m², căn cứ bản đồ địa chính (tờ số 10) được Giám đốc sở địa chính (nay Tài nguyên và Môi trường) ký công nhận ngày 09/11/1998, phần đất này trước đây thuộc thửa 369, loại đất ao (do UBND xã quản lý). Bản đồ Vlap năm 2014 thuộc thửa 616 (đất mặt nước Chuyên dung-MNC) (do UBND xã quản lý). Ngày 13/6/2022, UBND xã C lập biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 13/6/2022 đối với ông Nguyễn Hữu T về hành vi lấn đất quy định tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trên cơ sở đề nghị của UBND xã C ngày 20/6/2022, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2173/QĐ-XPHC xử phạt ông T về hành vi lấn đất chưa sử dụng (BCS) 1.821,8m² (điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP) mức phạt 10.000.000 đồng, lấn đất phi nông nghiệp (đất NTD và MNC) 895,2m² (điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP mức phạt 30.000.000 đồng, tổng cộng phạt tiền 40.000.000 đồng, ngoài ra, còn buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất.

[4] Xét, Giấy viết tay do ông T cung cấp về việc nhận chuyển nhượng đất và đất có tre của ông T2, Giấy không có cơ quan có thẩm quyền chứng thực, không ghi ngày tháng, không ghi diện tích, chỉ ghi tứ cận Nam giáp Phan Văn N, Tây giáp Nguyễn L2, Bắc giáp Quốc lộ A, Đông giáp nương, nhưng trên thực tế là không đúng vì phía Bắc hiện giáp thửa đất của bà Cao Thị N2 (thửa 222 và 223), phía Nam giáp ruộng lúa có số thửa 260. Xét, trình bày của ông T cho rằng “đất

này ông T mua bao tre và đất trồng bao tre thuộc thửa 239 diện tích khoảng 2.700m² của ông Phan Văn T2, nguồn gốc đất này do ông bà ông T2 để lại, ông T2 sử dụng ổn định, không có tranh chấp nên theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013 thì ông T phải được cấp Giấy chứng nhận thấy rằng ông T2 là xã viên HTX nông nghiệp, theo chính sách hợp tác hóa nông nghiệp N4 ban hành ngày 26/7/21979 (tại mục II điểm 1 và điểm 2 của hệ thống chính sách quy định khi đã vào hợp tác xã trở thành xã viên HTX thì ruộng đất, ao đầm...vv của tư, hương hỏa hay được chia cấp trong xã hay nơi khác đều do HTX quản lý, xã viên không được đầu bớt, làm riêng hoặc cho người khác thuê, mà do HTX quản lý; do đó, ông T2 không có quyền chuyển nhượng thêm đất (tre) cho ông T.

[5] Từ các tài liệu, chứng cứ viện dẫn, phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy Quyết định số 2173/QĐ-XPHC ngày 20/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu hủy Quyết định số 5859/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về giải quyết khiếu nại là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 32/2023/HC-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000354 ngày 10/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân